

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 99/2024/DS-ST

Ngày: 04-7-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tô

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Cẩm Hồng
- Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST-DS ngày 04/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2024/QĐST-DS ngày 20/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1947; địa chỉ: 52/4 Khu phố X, thị trấn T, huyện T, tỉnh T.
- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Đào Hồng V, sinh năm 1966; địa chỉ: 88/3 ấp A, xã A1, huyện T, tỉnh T. (Có đề nghị xét xử vắng mặt).
- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1989; địa chỉ: 45/2 ấp P, xã A2, huyện T, tỉnh T. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đào Hồng V trình bày:

Ngày 09/02/2021 anh Nguyễn Thanh N có vay của ông P số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng trả vốn. Khi vay anh N có viết giấy vay tiền với ông P và có ông Nguyễn Minh Đ làm chứng. Sau khi vay, anh N có đóng lãi cho ông P được 08 tháng, tháng thứ chín anh N chỉ đóng cho

ông P số tiền 1.5000.000 đồng (tính tròn 09 tháng). Từ đó đến nay anh N không trả lãi và cũng không trả vốn theo thời hạn như hai bên đã thỏa thuận, ông P có nhiều lần yêu cầu anh N trả vốn và trả số tiền lãi còn thiếu cho ông P, anh N có hứa hẹn nhưng không trả cho ông P khoản tiền nào, việc này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P.

Theo nội dung đơn khởi kiện ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Thanh N phải có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày 09/12/2021 đến ngày 20/12/2023 là 24 tháng 21 ngày x 70.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 28.701.000 đồng. Tổng số tiền vốn và tiền lãi ông P yêu cầu anh N phải trả cho ông P là: 98.701.000 đồng. Đồng thời ông P yêu cầu tính tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 0,83%/tháng đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 03/7/2024 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Ông P yêu cầu anh Nguyễn Thanh N trả cho ông P số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu) đồng; Đối với tiền lãi, ông P yêu cầu tính từ ngày Tòa án thụ lý là ngày 20/02/2024 đến ngày 04/7/2024 với lãi suất 1,66% tháng.

Bị đơn Nguyễn Thanh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1989; địa chỉ: 45/2 ấp P, xã A1, huyện T, tỉnh T do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn Nguyễn Thanh N đã được toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[4] Về nội dung vụ án: ông Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc anh Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu) đồng; đối với tiền lãi, ông P yêu cầu tính từ ngày Tòa án thụ lý là ngày 20/02/2024 đến ngày 04/7/2024 với lãi suất 1,66%

tháng.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: hợp đồng vay tài sản là giấy tay có tiêu đề “Giấy vay tiền” ngày 09/2/2021 giữa ông Nguyễn Văn P được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Bị đơn Nguyễn Thanh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vắng mặt, không nêu ý kiến phản đối và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác. Do đó tài liệu là Bản chính Giấy vay tiền ngày 09/02/2021 do nguyên đơn cung cấp được xác định là chứng cứ để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng anh Nguyễn Thanh N đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó việc ông Nguyễn Văn P yêu cầu anh Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án là ngày 20/02/2024 đến ngày 04/7/2024 với lãi suất 1,66% tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tổng số tiền gốc và lãi anh Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn P được tính như sau: 70.000.000 đồng + 70.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 04 tháng 14 ngày = 75.190.267 đồng (Bảy mươi lăm triệu, một trăm chín mươi nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng).

[6] Anh Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 5% x 75.190.267 đồng = 3.759.513 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm mười ba đồng).

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P đối với số tiền lãi là 23.510.733 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P: Buộc anh Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn P số tiền 75.190.267 đồng (Bảy mươi lăm triệu, một trăm chín mươi nghìn, hai trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật là: 3.759.513 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm mười ba đồng).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tơ